

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm gần 43 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,645.47 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Truyền thông giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Dầu khí. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Trong những phiên tới, VN-Index có thể tiếp tục đi tìm điểm cân bằng phía bên trên ngưỡng SMA10. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng vì biên độ dao động của thị trường vẫn lớn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 22/08/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-42.53** điểm, đóng cửa tại **1645.47** điểm. HNX-Index **-11.91** điểm, đóng cửa tại **272.48** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.64)**, **VCB (+0.81)**, **MSB (+0.35)**, **NAB (+0.32)**, **KBC (+0.24)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-4.80)**, **TCB (-4.07)**, **HPG (-2.45)**, **GVR (-1.97)**, **ACB (-1.87)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **60,793** tỷ đồng, tăng **24.31%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 62,462 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 62.22 điểm. Thị trường có **76** mã tăng, **27** mã tham chiếu, **275** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1377.81** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-1044.94 tỷ)**, **VPB (-325.72 tỷ)**, **STB (-110.24 tỷ)**, **VNM (-96.82 tỷ)**, **VCB (-92.58 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-50.58** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-2.47%**. Các mã diễn biến tích cực:
MSB (+3.15%) [\(Link báo cáo\)](#)
KBC (+2.64%) [\(Link báo cáo\)](#)
BID (+2.25%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-2.90%**. Các mã diễn biến tích cực:
NAB (+4.62%)
BMP (+2.67%) [\(Link báo cáo\)](#)
POW (+2.48%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-2.47%	-2.90%	-2.52%	-3.25%
1 tuần	1.13%	0.54%	0.95%	1.73%
1 tháng	8.75%	11.42%	8.81%	9.74%
3 tháng	27.25%	32.49%	25.18%	28.71%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,645.47	272.48	109.26
% 1D	-2.52%	-4.19%	-1.19%
GTKL (tỷ VND)	60,793	4,275	1,445
%1D	24.31%	31.28%	-3.14%
GDNN (tỷ VND)	-1377.81	-50.58	-113.13

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIX	180.60	HPG	-1044.94
PDR	129.62	VPB	-325.72
BSR	86.84	STB	-110.24
POW	69.87	VNM	-96.82
HDB	69.87	VCB	-92.58

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

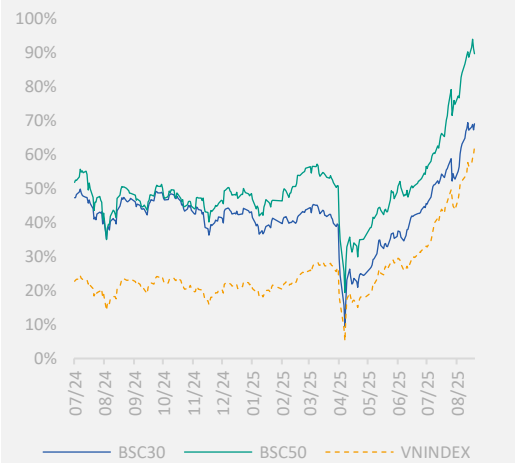
	%D	%W
SPX	-0.59%	-0.53%
FTSE100	-0.24%	0.02%
Eurostoxx	-0.21%	1.70%
Shanghai	1.04%	2.25%
Nikkei	0.05%	-0.80%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.45	-0.32%
Giá vàng	3,330	-1.60%
Tỷ giá		
USD/VND	26,562	0.10%
EUR/VND	31,481	-0.40%
JPY/VND	182	-0.55%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.05%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	43.25	2.25%	1.64	7.02
VCB	64.60	0.62%	0.81	8.36
MSB	18.00	3.15%	0.35	2.60
NAB	17.00	4.62%	0.32	1.72
KBC	40.80	2.64%	0.24	0.94

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	60.30	1.01%	0.07	0.17
PRE	20.50	2.50%	0.04	0.10
INN	59.50	1.54%	0.01	0.02
LDP	12.40	9.73%	0.01	0.01
VDL	11.20	9.80%	0.01	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TN1	13.15	6.91%	0.01	0.10
EVG	10.40	6.89%	0.04	6.10
VDS	25.00	6.84%	0.11	12.44
DLG	3.16	6.76%	0.02	7.18
GIL	19.00	6.74%	0.03	0.87

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VDL	11.20	9.80%	0.07	0.00
BXH	15.70	9.79%	0.02	0.00
LDP	12.40	9.73%	0.07	0.64
HKT	13.70	9.60%	0.03	0.00
GMX	17.80	7.23%	0.05	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	35.95	-6.99%	-4.80	7.93
TCB	39.00	-6.14%	-4.07	7.06
HPG	26.00	-5.11%	-2.45	7.68
GVR	29.50	-6.94%	-1.97	4.00
ACB	27.85	-5.43%	-1.87	5.14

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	16.60	-8.79%	-1.22	1.17
HUT	17.30	-9.90%	-1.09	0.89
MBS	38.10	-6.39%	-0.99	0.57
SHS	25.10	-5.64%	-0.90	0.89
IDC	43.30	-6.68%	-0.68	0.33

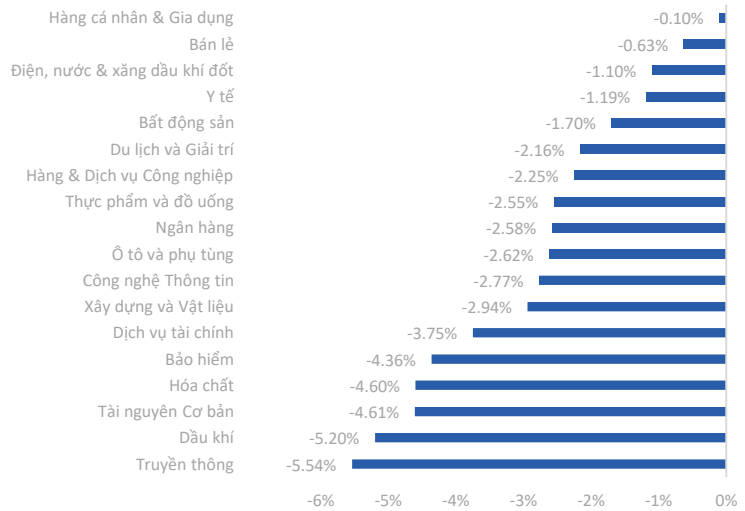
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNT	7.98	-6.99%	-0.01	0.32
BSI	51.90	-6.99%	-0.21	3.41
BFC	47.25	-6.99%	-0.04	1.57
VPB	35.95	-6.99%	-4.70	75.61
HHS	15.35	-6.97%	-0.11	20.25

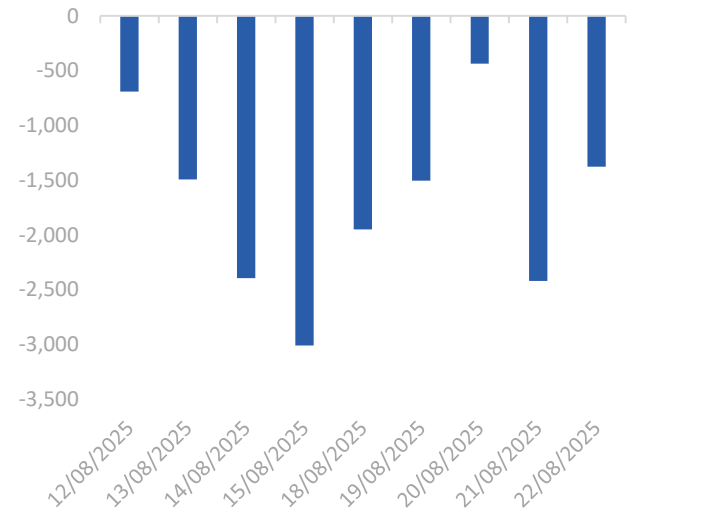
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	17.30	-9.90%	-7.54	9.37
L14	41.30	-9.83%	-0.52	1.76
THS	12.40	-9.49%	-0.01	0.00
NAG	14.60	-9.32%	-0.22	0.87
QST	26.00	-9.09%	-0.03	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	70.3	-1.0%	1.5	104,970	802.8	3,304	21.5	84,700	48.0%	Link
KBC	Bất động sản	40.8	2.6%	1.4	37,435	888.9	1,831	21.7	-	14.8%	Link
KDH	Bất động sản	34.0	-5.3%	1.2	40,288	300.5	717	50.1		32.7%	
PDR	Bất động sản	24.0	1.1%	1.5	23,270	1192.5	177	134.5	28,200	10.7%	Link
VHM	Bất động sản	98.1	-1.7%	1.1	409,920	610.6	6,995	14.3	92,000	10.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	99.0	-2.7%	1.0	173,247	722.4	5,092	20.0	118,700	37.2%	Link
BSR	Dầu khí	27.9	-6.9%	0.0	92,705	1048.3	(16)	(1,867)	23,200	0.4%	Link
PVS	Dầu khí	34.2	-2.3%	1.3	16,729	280.4	2,649	13.2	42,800	11.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.7	-5.3%	1.4	30,455	586.8	1,133	24.9		38.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	35.8	-3.5%	1.4	73,058	2306.7	1,577	23.5		39.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	43.3	-5.9%	1.2	33,240	672.1	1,369	33.6		28.4%	
DCM	Hóa chất	38.2	-5.5%	1.3	21,388	417.3	2,805	14.4	47,300	6.7%	Link
DGC	Hóa chất	98.8	2.2%	1.4	36,725	327.1	8,175	11.8	109,300	14.0%	Link
ACB	Ngân hàng	27.9	-5.4%	0.9	151,275	1282.2	3,305	8.9	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	43.3	2.3%	1.0	297,004	995.9	3,683	11.5	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	50.9	-1.7%	1.1	278,166	1254.4	5,608	9.2	53,500	26.8%	Link
HDB	Ngân hàng	32.4	-2.7%	1.1	116,211	1005.6	4,075	8.2	30,800	17.4%	Link
MBB	Ngân hàng	26.9	-4.6%	1.1	227,151	1992.8	3,046	9.3	34,300	22.9%	Link
MSB	Ngân hàng	18.0	3.2%	1.1	45,370	1255.5	1,961	8.9	14,000	28.4%	Link
STB	Ngân hàng	55.5	-4.0%	1.0	108,965	1235.7	6,148	9.4		20.2%	
TCB	Ngân hàng	39.0	-6.1%	1.2	294,433	2513.1	3,019	13.8	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	21.6	-2.0%	1.3	58,255	1749.8	2,423	9.1	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	64.6	0.6%	0.7	536,434	1260.8	4,148	15.5	75,700	21.9%	Link
VIB	Ngân hàng	23.6	0.9%	0.9	79,654	1486.1	2,219	10.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	36.0	-7.0%	1.1	306,646	2755.4	2,193	17.6	26,500	25.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.0	-5.1%	1.2	210,308	3629.1	1,750	15.7	34,300	21.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.4	-2.1%	1.3	11,674	225.2	751	25.0	23,800	9.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.5	0.2%	1.4	10,565	284.6	4,124	6.7	32,200	4.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	81.0	-3.9%	1.2	121,891	1517.9	1,862	45.3	92,700	25.2%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	58.7	-2.3%	0.5	125,606	426.3	4,101	14.7	64,500	48.8%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	42.0	1.20%	1.5	9,096	122.6	2,216	18.7	24.9%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	130.6	1.63%	1.0	21,884	78.5	3,163	40.6	32.1%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	57.1	-4.83%	1.2	44,539	70.1	3,311	18.1	27.2%	10.6%	
DIG	Bất động sản	22.7	-6.78%	1.4	15,741	1147.7	183	132.8	5.3%	1.5%	
DXG	Bất động sản	20.2	-4.05%	1.4	21,397	856.7	353	59.5	26.3%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	33.4	-5.26%	1.1	6,278	386.1	482	73.1	6.7%	3.8%	
HDG	Bất động sản	31.8	1.93%	1.4	11,524	343.8	522	59.6	18.2%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	43.3	-6.68%	1.4	17,609	138.4	3,977	11.7	17.1%	27.3%	
NLG	Bất động sản	42.3	1.44%	1.4	16,058	254.7	1,709	24.4	47.5%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	58.7	-5.78%	1.1	15,084	49.7	5,315	11.7	4.1%	28.6%	
SZC	Bất động sản	34.8	-5.56%	1.1	6,632	126.8	1,978	18.6	2.7%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	20.6	-3.75%	1.4	18,546	428.2	1,123	19.0	12.5%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	124.1	-0.72%	1.3	477,958	624.3	3,580	34.9	3.9%	9.9%	
VRE	Bất động sản	30.0	-1.32%	1.1	69,078	314.2	1,937	15.7	18.0%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.8	-4.56%	1.2	8,830	54.8	1,701	24.5	38.5%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	36.0	-2.57%	0.8	46,885	142.6	1,596	23.1	16.5%	7.9%	Link
PVD	Dầu khí	21.3	-2.75%	1.1	12,146	191.6	1,428	15.3	4.0%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	38.0	-5.82%	1.5	13,981	266.4	1,348	29.9	25.2%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	38.1	-6.39%	1.8	23,312	385.0	1,554	26.2	6.3%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.0	-1.88%	0.9	162,347	82.0	5,152	13.5	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.5	2.48%	1.0	37,704	527.5	624	25.8	3.1%	4.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.5	-2.42%	1.0	35,804	69.4	4,418	15.0	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	140.0	-3.98%	0.7	86,257	482.9	3,427	42.5	8.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.9	-2.00%	1.3	49,632	578.0	1,745	31.5	7.5%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.7	-1.12%	1.0	26,220	236.3	3,765	16.6	40.1%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.3	-5.38%	1.0	10,047	229.1	5,700	10.4	6.2%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.9	-1.10%	1.2	8,506	86.4	2,304	7.9	8.3%	13.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	98.6	-3.90%	0.0	12,495	73.0	3,339	30.7	5.0%	25.4%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	84.8	-0.93%	1.0	28,925	74.8	6,129	14.0	49.0%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.0	1.01%	0.8	3,328	64.8	2,693	11.0	49.8%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.5	-1.02%	1.3	2,415	40.1	2,841	6.9	16.7%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.3	-3.66%	1.3	18,562	147.4	957	28.5	7.5%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.5	-6.94%	1.5	126,800	277.2	1,320	24.0	0.6%	9.8%	
EIB	Ngân hàng	29.0	-6.91%	1.1	57,931	911.2	1,783	17.4	5.2%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	47.0	-2.89%	0.4	144,584	316.6	3,324	14.6	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	17.0	4.62%	0.0	27,880	122.6	2,260	7.2	1.8%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	14.6	-0.34%	1.0	38,881	555.3	1,130	12.9	19.8%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.3	-4.69%	1.3	7,161	311.8	666	24.0	6.5%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	24.3	-6.91%	1.6	6,936	182.7	1,871	13.9	2.8%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.1	-4.10%	0.7	11,127	295.5	1,921	19.1	4.1%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.8	-1.72%	1.1	59,767	90.5	3,185	14.6	58.8%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.7	-1.24%	1.3	12,659	78.7	6,372	8.9	19.9%	16.1%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	134.5	2.67%	1.0	10,724	29.3	13,894	9.4	84.9%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	74.5	-3.25%	1.3	7,810	101.8	4,512	17.1	46.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	86.2	-3.79%	1.2	10,249	79.1	4,928	18.2	6.4%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.4	-6.92%	1.2	4,586	260.5	2,501	18.2	4.7%	12.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.1	0.67%	1.4	7,461	400.3	1,077	13.9	10.9%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	27.9	-6.84%	1.1	10,711	295.7	1,179	25.4	15.0%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.6	-4.84%	1.2	16,679	500.8	1,241	20.8	8.6%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	60.5	-6.92%	1.4	29,143	192.5	3,343	19.5	5.8%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 08/2025_Thuế quan – Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
9	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
10	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng	x		Click
11	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>